

Đương Số: Xemtuong - Dương Nam
 Cung mệnh: **Đinh Sửu** - Thai Nguyên: Tân **Mùi**
 Thân Nhược: **Thủy** 21/50
 Dụng Thần: Kim **Hỏa**



Trụ Năm 1990 Ân CANH NGỌ Dương M.Dục Đinh Kỷ T.Tài Sát Suy Suy Tuyệt Thiên Át QN Tướng Tinh Đào Hoa Phúc Tinh	Trụ Tháng 04 Ân CANH THÌN Dương M.Dục Mậu Át Quý Quan Thực Tỵ Q.Đới Q.Đới Dương	Trụ Ngày 18 Thân Sát Dương QUỲ SỬU Q.Đới Kỷ Tân Quý Sát Kiêu Tỵ Suy Mộ Dương	Trụ Giờ 23:01 Kiếp Mộ NHÂM TỶ Đ.Vượng Quý Tỵ Dương Lâm Quan Thiên Đức QN Tai Sát Nguyệt Đức QN Cừu Quý PH. Quý Lộc Đức Quý Nhân
Đại Vận 0 (0 - 4 tuổi) Ân CANH THÌN Dương M.Dục Mậu Át Quý Quan Thực Tỵ Q.Đới Q.Đới Dương	Đại Vận 1 (5 - 14 tuổi) Kiêu TÂN TỶ Tử Canh Bính Mậu Canh Tài Quan Ân L.Quan L.Quan T.Sinh	Đại Vận 2 (15 - 24 tuổi) Kiếp NHÂM NGỌ Thai Đinh Kỷ T.Tài Sát L.Quan L.Quan	Đại Vận 3 (25 - 34 tuổi) Tỵ QUỲ MÙI Mộ Kỷ Át Đinh Sát Thực T.Tài Q.Đới Dương Q.Đới
Đại Vận 4 (35 - 44 tuổi) Thương GIÁP THÂN Tuyệt Canh Mậu Nhâm Ân Quan Kiếp L.Quan Bệnh T.Sinh	Đại Vận 5 (45 - 54 tuổi) Thực ÁT DẬU Tuyệt Tân Kiêu L.Quan	Đại Vận 6 (55 - 64 tuổi) Tài BÍNH TUẤT Mộ Mậu Đinh Tân Quan T.Tài Kiêu Mộ Dương Q.Đới	Đại Vận 7 (65 - 74 tuổi) T.Tài ĐINH HỢI Thai Giáp Nhâm Thương Kiếp T.Sinh L.Quan
Đại Vận 8 (75 - 84 tuổi) Quan MẬU TỶ Thai Quý Tỵ L.Quan	Đại Vận 9 (85 - 94 tuổi) Sát KỶ SỬU Mộ Kỷ Tân Quý Sát Kiêu Tỵ Mộ Dương Q.Đới	Đại Vận 10 (95 - 104 tuổi) Ân CANH DẦN Tuyệt Giáp Bính Mậu Thương Tài Quan L.Quan T.Sinh T.Sinh	Đại Vận 11 (105 - 114 tuổi) Kiêu TÂN MÃO Tuyệt Át Thực L.Quan

Ân 1990 1 tuổi CANH NGỌ M.Dục	Kiêu 1991 2 tuổi TÂN MÙI Suy	Kiếp 1992 3 tuổi NHÂM THÂN T.Sinh	Tỵ 1993 4 tuổi QUỲ DẬU Bệnh	Thương 1994 5 tuổi GIÁP TUẤT Dương
Thực 1995 6 tuổi ÁT HỢI Tử	⚡ Tài 1996 7 tuổi BÍNH TỶ Thai	T.Tài 1997 8 tuổi ĐINH SỬU Mộ	Quan 1998 9 tuổi MẬU DẦN T.Sinh	Sát 1999 10 tuổi KỶ MÃO Bệnh
Ân 2000 11 tuổi CANH THÌN Dương	Kiêu 2001 12 tuổi TÂN TỶ Tử	Kiếp 2002 13 tuổi NHÂM NGỌ Thai	Tỵ 2003 14 tuổi QUỲ MÙI Mộ	Thương 2004 15 tuổi GIÁP THÂN Tuyệt
Thực 2005 16 tuổi ÁT DẬU Tuyệt	⚡ Tài 2006 17 tuổi BÍNH TUẤT Mộ	T.Tài 2007 18 tuổi ĐINH HỢI Thai	Quan 2008 19 tuổi MẬU TỶ Thai	Sát 2009 20 tuổi KỶ SỬU Mộ
Ân 2010 21 tuổi CANH DẦN Tuyệt	Kiêu 2011 22 tuổi TÂN MÃO Tuyệt	Kiếp 2012 23 tuổi NHÂM THÌN Mộ	Tỵ 2013 24 tuổi QUỲ TỶ Thai	Thương 2014 25 tuổi GIÁP NGỌ Tử
Thực 2015 26 tuổi ÁT MÙI Dương	Tài 2016 27 tuổi BÍNH THÂN Bệnh	T.Tài 2017 28 tuổi ĐINH DẬU T.Sinh	Quan 2018 29 tuổi MẬU TUẤT Mộ	Sát 2019 30 tuổi KỶ HỢI Thai
Ân 2020 31 tuổi CANH TỶ Tử	Kiêu 2021 32 tuổi TÂN SỬU Dương	Kiếp 2022 33 tuổi NHÂM DẦN Bệnh	Tỵ 2023 34 tuổi QUỲ MÃO T.Sinh	Thương 2024 35 tuổi GIÁP THÌN Suy
Thực 2025 36 tuổi ÁT TỶ M.Dục	Tài 2026 37 tuổi BÍNH NGỌ Đ.Vượng	T.Tài 2027 38 tuổi ĐINH MÙI Q.Đới	Quan 2028 39 tuổi MẬU THÂN Bệnh	Sát 2029 40 tuổi KỶ DẬU T.Sinh
Ân 2030 41 tuổi CANH TUẤT Suy	Kiêu 2031 42 tuổi TÂN HỢI M.Dục	Kiếp 2032 43 tuổi NHÂM TỶ Đ.Vượng	Tỵ 2033 44 tuổi QUỲ SỬU Q.Đới	Thương 2034 45 tuổi GIÁP DẦN L.Quan
Thực 2035 46 tuổi ÁT MÃO L.Quan	Tài 2036 47 tuổi BÍNH THÌN Q.Đới	T.Tài 2037 48 tuổi ĐINH TỶ Đ.Vượng	⚡ Quan 2038 49 tuổi MẬU NGỌ Đ.Vượng	⚡ Sát 2039 50 tuổi KỶ MÙI Q.Đới
Ân 2040 51 tuổi CANH THÂN L.Quan	Kiêu 2041 52 tuổi TÂN DẬU L.Quan	Kiếp 2042 53 tuổi NHÂM TUẤT Q.Đới	Tỵ 2043 54 tuổi QUỲ HỢI Đ.Vượng	Thương 2044 55 tuổi GIÁP TỶ M.Dục

Thực 2045 56 tuổi	Tài 2046 57 tuổi	T.Tài 2047 58 tuổi	Quan 2048 59 tuổi	Sát 2049 60 tuổi
ÁT SỬU Suy	BÍNH DẦN T.Sinh	ĐINH MÃO Bệnh	MẬU THÌN Q.Đời	KỶ TỶ Đ.Vượng

Kim Hòa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemtuong.net

Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ năm [Ngọ Hỏa](#) không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ tháng [Thìn Thổ](#) không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ ngày [Sửu Thổ](#) không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ giờ [Tý Thủy](#) được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 2.5/10

Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Canh** sinh tháng **Thìn** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Canh** sinh tháng **Thìn** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Quý** sinh tháng **Thìn** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Nhâm** sinh tháng **Thìn** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: Tân **Mùi** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tứ: **Mậu Tý** (Thai tứ tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tứ thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Mùi Tý này bị tương hại cho nhau, hơi xấu.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên Tân **Mùi** nạp âm là **Thổ**, gặp cung mệnh **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy** là tương khắc, theo lý là cuộc đời Quý Anh ít được phúc lộc.

Thai nguyên Tân **Mùi** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ năm Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên Tân **Mùi** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ tháng Canh **Thìn** nạp âm là Kim là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên Tân **Mùi** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ ngày **Quý Sửu** nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên Tân **Mùi** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ giờ **Nhâm Tý** nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi già có biến động nhẹ.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quý** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm Canh **Ngọ** là **Hỏa** khắc Kim.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng Canh **Thìn** là **Thổ** sinh Kim.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Quý Sửu** là **Thổ** khắc **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Nhâm Tý** là **Thủy Thủy** bình hòa.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức dưới trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời dụng cơ thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 3/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Sửu Ngọ này bị tương hại cho nhau, hơi xấu.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Quý Sửu và Canh Thìn này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Sửu Tý này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Thân Nhược: **Thủy 21/50**

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **Thủy** Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **21/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **19/36** điểm là thân **Thủy** Vượng mà ở phần xét thân vượng nhược chính lại là Thân Nhược **Thủy**, và chúng tôi đoán rằng **Thân Quý Anh ở mức Trung Bình** không vượng

cũng không nhược. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, đó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược Thủy thì dụng thần nên là Kim để sinh thêm Thủy, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cỏ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

Dụng Thần: Kim Hỏa (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Kim (dụng thần 1)

Hành Kim đại diện cho màu trắng, bạc, màu ánh kim, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Tây, hướng Tây Bắc. Kim đại diện cho các sự vật như kim cương, vàng bạc, trang sức, tài chính, kinh tế, ngân hàng, quỹ tín dụng, cơ khí kim loại, máy móc, xe cộ, công cụ kim loại, đồ gia dụng bằng thép, nhôm, đồ dùng nhà bếp bằng thép, sắt, đồng hồ, gương soi. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Kim đều tốt cho Quý Anh vì Kim là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Kim.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Hỏa (dụng thần 2)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Hỏa đều tốt cho Quý Anh vì Hỏa là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Hỏa.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là thân nhược thì hãy chọn dụng thần tương

sinh để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Canh Ngọ** bị **Bính Tý** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Tý**.

Trụ Tháng **Canh Thìn** bị **Bính Tuất** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Tuất**.

Trụ Ngày **Quý Sửu** bị **Kỷ Mùi** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Kỷ Mùi**.

Trụ Giờ **Nhâm Tý** bị **Mậu Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Mậu Ngọ**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ấm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tủy não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tý, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Thủy

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Thủy có nước da ngăm ngăm đen, hơi béo, thịt nhiều; bụng tròn, chân mày rậm; miệng rộng, ngón tay mập tròn; thần mắt lộ; bàn tay bàn chân lớn nhưng trông không thô kệch; đi đứng chậm chạp và ăn uống cũng chậm chạp; tính ý giản dị và tiếng nói hơi khàn. Nhìn chung người thuộc Thủy mà hợp tướng như vậy là rất tốt, trước khổ sau sướng, con cái an hòa, gia đình hưng vượng.

Nhìn chung, người thuộc Thủy hợp với phương Bắc. Và có thể thích hợp với khá nhiều nghề, đặc biệt là những ngành nghề liên quan tới chất lỏng, như: dầu khí, rượu, nước...

Quý Anh Người Thuộc Thủy Nhược

Người mà Thủy nhược là người có vóc dáng thấp bé, tính tình bất nhất, thay đổi thất thường, tính nhát gan, không có mưu mẹo, hành động cũng bất nhất, không có thứ tự. Người mà Thủy quá suy cũng dễ mắc những bệnh như người thuộc Thủy quá vượng như bệnh về thận, bàng quang, bắp đùi, chân, đầu, gan, tiết niệu, thất lưng, tử cung, âm hộ...

Cung Mệnh ở Sửu có sao Thiên ách

Quý Anh trước khó sau thông, xa quê vất vả nhưng về sau tốt.

Trụ năm của Quý Anh có Chánh Ấn

Trụ năm có chính ấn (ấn) nếu là hỷ dụng thần: thì sinh ở gia đình quyền quý, học tập thi cử đỗ đạt. Trường hợp có năm chính ấn và tháng chính quan thì tổ nghiệp thanh cao quyền quý. Trường hợp năm chính ấn tháng kiếp tài thì anh em được thừa kế tổ nghiệp.

Trụ tháng của Quý Anh có Chánh Ấn

Trụ tháng có chính ấn (ấn): Thông minh nhân từ, một đời bình an ít bệnh tật. Nếu bốn can không có thiên tài (Tài) thì mùa bút thành danh. Trường hợp gặp tháng chi cũng có chính ấn và ngày chi xung thì nhà mẹ trước kia lưu lạc.

Trụ ngày của Quý Anh có Thiên Quan

Trụ ngày có Thiên quan (sát) thì bạn đời tính cứng rắn, thích bạo động, nếu không có thực thần chế thì vợ chồng bất hòa, lại gặp xung thì lảm tai nhiều bệnh. Nếu có thực thần chế hoặc hợp thành tượng khác thì có thể giải. Nếu 4 can đều có thiên quan (sát) mà không có chế phục thì nhiều tai ho.a.

Trụ giờ của Quý Anh có Kiếp Tài

Trụ giờ có kiếp tài (kiếp) thì con cái nhiệt tình, tính cương trực, thích đầu cơ, thủ lợi, hay độc đoán. Nếu có thương quan (thương) ở cùng trụ thì tổn đến con cái. Nếu Kiếp tài, thương quan, dương nhãn cùng trụ thì gây dựng sự nghiệp khó.

Chi năm và chi giờ xung

Năm chi và giờ chi xung: Với con không hợp.

Trong tứ trụ Quý Anh có ám lộc

Ám lộc Cho biết có sự bần cùng, tính không chân thật.

Trong tứ trụ Quý Anh có Dương Nhận

Dương Nhận cho biết Quý Anh hung bạo, ngang tàng, thô bạo, nóng nảy, gấp gáp.

Tứ Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên đức quý nhân

Thiên đức quý nhân: Tính nhân từ đôn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

Tứ Trụ của Quý Anh có Nguyệt đức quý nhân

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gặp hung hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Trụ ngày Dương Nhận

Ngày có Dương nhãn thì nam khắc vợ, nữ khắc chồng

Tứ trụ có Dương Nhận

Dương nhãn: là sao có đặc thù hình phạt, cần phải không xung không hợp có chế ngự mới tốt.

a: Dương nhãn gặp hình xung thì hại người.

b: Hội hợp thì lao khổ vất vả.

a: Ngày chủ vượng kỵ Dương nhãn. Ngày chủ xung thích Dương nhãn hộ vệ bảo vệ thân thể.

b: Sao sát không có Dương nhãn không hiển lộ. Dương nhãn không có sao sát thì không có uy.

c: Trong Mệnh có Dương nhãn, thiên quan càng vượng lại có chính ấn tiếp trợ gọi là "Sát ấn tương sinh" Dương nhãn trợ uy không gì không quý hiển.

d: Mệnh nam nhiều Dương nhãn: cung vợ có tổn thất. Mệnh nữ nhiều Dương nhãn: lẳng lơ hoang dâm.

e: Ngày chủ mạnh, mệnh cục có Dương nhãn, không có thiên quan. Năm vận gặp thiên quan vượng: Chuyển họa thành phúc, hoặc có sao ấn không có thiên quan: năm vận gặp thiên quan vượng có phúc.

f: Trong mệnh sao sát, Dương nhãn đều có: hành vận Dương nhãn Kiếp sát, lập nghiệp công danh, hoặc thủ

nghĩa xả thân thành danh.

g: Dương nhấn ở vận tử, tuyệt cùng trụ: tính tình độc ác. Với Mộc dục cùng trụ : gặp bệnh hiểm nghèo.

h: Dương nhấn xung hợp năm vận: gặp phúc tất tai nạn sẽ đến.

j: Tài là kỵ thần: Chi gặp Dương nhấn can là sao tài gọi là nhấn đầu tài. Chi tọa kiến lộc can là sao tài gọi là lộc đầu tài. Năm vận gặp Dương nhấn hoặc sao tài thì vì tài mà mất danh hoặc vợ chồng gặp chuyện thị phi, trộm cắp thương thân.

Trụ ngày có Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trụ giờ có Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trụ năm có Chính ấn và Dương nhấn cùng trụ

Chính ấn và Dương nhấn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Trụ tháng có Chính ấn và Dương nhấn cùng trụ

Chính ấn và Dương nhấn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Trụ ngày có Chính ấn và Dương nhấn cùng trụ

Chính ấn và Dương nhấn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Trụ ngày có Dương nhấn

Ngày có Dương nhấn: Vợ hoặc chồng yếu đau bệnh tật.

Tứ Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

Trụ giờ có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Chi giờ gặp sông đê chủ về khắc vợ khắc con hoặc cuối năm hay gặp tai họa, nếu gặp tài quan thì họa khá sâu, tương xung hoặc tương hợp với tuế vận thì tai họa ập đến ngay.

Tứ Trụ có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Người mà ngũ hành lại gặp sông đê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sông đê còn chủ về vợ hay bệnh tật.

Trụ giờ có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Giờ có Sông đê: về già có họa, tổn thương con cái, ngày vận yếu thì không sao.

Cô thần Quả Tú(trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Những người mà trong mệnh gặp quả tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là từ bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điều thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang đời chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chỗ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chỗ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên giai lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phương cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tứ trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp qua ,ấn, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mẫu.

Khôi canh quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 129)

Trong trụ không có tài, quan, hình, sát thì mới tốt, nếu có lại là xấu.

Nếu gặp vượng địa thì tốt vô cùng.

Trong bốn ngày đó, đối với canh tuất và canh thìn nếu tứ trụ có quan là không tốt; hai ngày mậu tuất và nhâm thìn nếu trong tứ trụ có tài vận cũng không tốt.

Khôi canh quý nhân chỉ về người có tính cách thông tuệ, ưa sát phạt.

Nếu trong tứ trụ có hình xung phá hại thì người ấy nghèo rách kiết quệ.

Người gặp thiên canh địa khô, nếu suy thì nghèo đói rách nát; nếu vượng thì giàu sang tuyệt trần, khô canh tụ hội thì phúc phát phi thường.

Tính cách thông minh, văn chương nổi tiếng, gặp việc thì quả đoán, nắm quyền thích sát phạt, thân vượng thì phát phúc to.

Nhưng gặp tài quan thì tai họa ập đến ngay, nếu tứ trụ có hình sát thì còn nặng hơn.

Nếu lâm tài vượng, quan vượng thì phải đề phòng tai họa bất ngờ. Nếu lệnh tháng gặp tài quan ẩn thụ, ngày chủ một trong bốn ngôi, tức lấy tài quan ẩn thực làm dụng thần, tuy hơi bị phá tài, nhưng nhờ tài quan ẩn thực đươ.c ngôi nên không bị hại nhiều.

Canh tuất, canh Thìn hai ngày này không có quan tinh, nếu khô canh trùng điệp hữu tinh thì chủ về phú quý danh tiếng; nếu gặp tài quan thì xấu.

Gặp tuế vận còn gặp cả tài quan vượng thì tai vạ khôn lường.

Người trong tứ trụ tuy có khô canh quý nhân, tuy có tài lãnh đạo, tiếng vang sức mạnh, thích quyền bính, hiểu thắng, nhưng việc hôn nhân thường trắc trở. Ngoài ra nếu không tôn trọng pháp luật thì khó tránh tù đày.

Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan.

Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao.

Người tứ trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang.

Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt.

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Lộc thân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 139)

Lộc là tước lộc, nhờ có thể lực mà được hưởng gọi là lộc. Lộc là nguồn dưỡng mệnh.

Lộc ở chi năm gọi là tuế lộc, ở chi tháng gọi là kiến lộc, ở chi ngày gọi là chuyện lộc, ở chi giờ gọi là quy lộc.

Người thân vượng mà có lộc thì tài nên thấy khắc, lộc gặp thân yếu thì tài kỵ thấy khắc.

Lộc mã từ suy đến tử, kể cả tử tuyệt, nếu không có cát thần hỗ trợ thì nhất định phá tan sự nghiệp tổ tiên.

Lộc sợ nhất là nhập không vong hoặc bị xung, nếu lấy nó làm dụng thần, không may nhập không vong hoặc bị xung lại không có cát thần giải cứu thì nhất định đói rách, ăn xin, làm thuê phiêu bạt khắp nơi. Nếu không bị như thế thì cũng không có danh vọng gì, có lộc như không.

Lộc phạm xung gọi là phá lộc, như lộc giáp ở dần gặp thân là phá, khí tán không tụ quý nhân thì bị đình chức, tước quan, thường dân thì cơm áo không đủ.

Lộc gặp xung hoặc địa chi của tháng kiến lộc là nghèo đến mức không được hưởng nhà cửa cha mẹ để lại, hoặc rời bỏ quê hương, đi mưu sinh nơi khác.

Lộc nhiều thân vượng không nên gặp sống dê (kiếp tài), nếu không sẽ khắc vợ (chồng), khắc cha.

Lộc còn là ngang hòa, nếu gặp đất quan vượng là tốt, nhật nguyên yếu mà có thần lộc giúp đỡ lại gặp ẩn sinh cát tinh trợ giúp thì sẽ thành sự nghiệp, là người có phúc.

Tai sát / Bạch Hổ (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Tai sát còn có tên Bạch Hổ, tính dũng mạnh, thường ở trước kiếp sát, xung phá tướng tinh nên gọi là tai sát.

Tai sát sợ khắc, nếu gặp sinh lại tốt. Trong tứ trụ nếu gặp tai sát thì phúc ít họa nhiều. Sát chủ về máu me, chết chóc. Sát đi với thủy, hỏa phải đề phòng bỏng, cháy; đi với kim, mộc đề phòng bị đánh; đi với thổ phải đề phòng đổ sập, ôn dịch. Sát khắc thân là rất xấu, nếu có thần phúc cứu trợ, phần nhiều có quyền lực, cũng như kiếp sát, gặp quan tinh ẩn thụ là tốt.

Đại hao / Nguyên thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 156)

Nguyên thần còn có tên là Đại hao, là không hợp. Dương sau âm trước là có gặp khúc, gặp khúc là việc

không suôn sẻ; Âm sau Dương trước là thắng nhưng không toại nguyện tức là việc có bạo động mà không trị được, nên gọi là nguyên thần.

Nguyên thần là thần hại trong mệnh. Người trong tứ trụ đã có Thất Sát làm hại, còn gặp phải nguyên thần thì hại càng nặng hơn, không có nguyên thần thì nhẹ.

Nguyên thần tuy xấu, lưu niên đại vận gặp là không tốt, nhưng biết được điều xấu, tránh xa phương của nguyên thần thì có thể vô hại.

Hàm trì / Đào hoa

Người mà tứ trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trắng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thể cho hung tinh.

Nếu mệnh kỵ kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Can năm Quý Anh là dụng thần thì cha mẹ song toàn

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gặp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ năm gặp ấn hoặc tư quán học đường

Trụ năm Quý Anh gặp ấn là cha mẹ hiền lành, ông bà hoặc cha mẹ theo nghề văn chương, mạch nhà thư hương.

Trụ năm gặp chính ấn

Trụ năm Quý Anh gặp chính ấn là cha mẹ hiền lành, hay là điều thiện.

Trụ năm Quý Anh gặp quan tinh chính ấn thì cha mẹ làm quan cao sang.

Chi năm hoặc chính ấn gặp đào hoa là cha mẹ đẹp mà thông minh.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phạm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giành tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hồng, nên gọi là tỉ kiếp khắc cha.

Ấn bị xung khắc là mẹ hiền nhưng mắt sớm.

Ấn thụ bị khắc là mẹ không chết thì cũng đi xa.

Trụ năm Quý Anh là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Trong Tứ trụ Quý Anh có hai ấn là cha có hai đời vợ.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Ấn thụ không bị thương tổn, lại còn sinh cho thân thì nhà cửa sang quý.

Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.

Trụ ngày xung khắc trụ năm là không dựa được cha ông.

Anh Em Huynh Dê

Tỉ kiếp Quý Anh gặp nhiều là anh chị em đông đúc.

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Anh gặp thiên đức, nguyệt đức là anh chị em lương thiện, thật thà.

Tháng và ngày Quý Anh tương sinh cho nhau là anh em hoà thuận.

Mệnh Quý Anh gặp hoa cái là anh em ít.

Tỉ kiếp Quý Anh bị xung khắc là anh em bất hoà hoặc nhiều bệnh tật.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Canh Ngọ** hợp với Nữ tuổi **Mậu Dần - Kỷ Mão** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tuỳ ý chọn.

Quý Anh có Thiên đức, nguyệt đức không bị những cái khắc làm nhiễu loạn thì người đó áo gấm mũ vàng.

Vợ chồng Quý Anh có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên giai lão.

Quý Anh có Thất sát đóng ở trụ ngày thì vợ chồng bất hòa, không chia tay nhau sẽ gặp điều xấu.

Nam án nhiều thì khắc vợ, nữ án nhiều thì dâm loạn.

Trong Tứ trụ Quý Anh có phu tinh, thê tinh hợp nhau là cuối cùng có sự ly biệt.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Chi ngày Quý Anh là thìn Tuất Sửu Mùi thì vợ bình thường

Mệnh nam Quý Anh lấy suy làm hại.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Anh có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.

Quý Anh có Trụ ngày phạm hoa cái là khắc vợ.

Quý Anh có Trụ ngày gặp thất sát là chủ về có vợ hung bạo, sát chồng.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn cửa.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu: "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ cửa lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Quý Anh Ấn thụ thông suốt, gặp phát tài thì phát, gặp quan thì vinh hiển.

Quý Anh có Thiên tài và thiên lộc, là của tự nhiên không lao động mà có, là được hưởng phúc sẵn có.

Quý Anh thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Quý Anh có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Quý Anh có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Trụ tháng Quý Anh gặp ấn thụ là người giàu sang, vinh hiển.

Quý Anh có Ấn nhiều hành đến tài vận sẽ phát phúc.

Tứ trụ Quý Anh không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quan Vận

Quý Anh có Sát Nhẫn rõ mà mạnh bằng nhau, chức tước tới Vương hầu (Thân phải vượng).

Quý Anh có Kiếp Tài Dương Nhẫn, có Quan Sát, làm quan sang quý (Thân không được quá vượng hoặc quá nhược).

Quan Ấn Quý Anh ở trụ năm và tháng, làm quan hay lui tới cung điện.

Quý Anh Ấn lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Sát Ấn đồng vị, ăn to nói lớn, gặp vận tốt sẽ có chức vị cao trong quân đội.

Quý Anh có Thực Thần đới hợp, làm quan nắm quyền nắm con dấu (hợp Ấn).

Năm Quý Anh có Chính Ấn, tháng có Chính Quan, nhậm chức giáo dục.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Anh có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Quý Anh có Tháng Ấn sinh cho ngày, không có Tài tinh, văn chương giỏi giang, đi thi là đậu.

Trụ năm Quý Anh có Ấn thụ phúc vô cùng, thụ ơn tập ấm lập công danh.

Ấn Quý Anh bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Anh có Thực đằng trước Sát đằng sau, người công danh hiển đạt (Thực tại năm tháng, Sát tại ngày giờ).

Quý Anh có Tỷ Kiên gặp Lộc, anh em danh cao.

Nghề Nghiệp

Quý Anh có Sát Âm tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Anh có Sát Âm tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Anh Ngũ hành cần thủy, hợp ngành nghề lưu động hoặc chức vụ ngoại giao.

Quý Anh có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Quý Anh có Chính Quan Thiên Âm tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam giáo cứu lưu...

Thực Thần và Chính Âm đồng trụ, mà Âm là dụng thần, hợp nghề viết lách.

Quý Anh có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới kim, như kinh doanh dụng cụ kim loại, máy móc của nhà máy, xe hơi, giao thông, tiền tệ, electronics, công trình, khai khoáng. Sự nghiệp phát triển lợi hướng Trung Tây, không lợi Đông Nam.

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ẩn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hỏa khắc canh kim, giờ ngọ hỏa ở vượng địa, là lộc của đình hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh Âm thụ nhiều là con ít.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hiếu, làm rạng rỡ tổ tiên.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Trụ giờ Quý Anh gặp thiên đức, nguyệt đức là con cái hiếu thuận.

Quý Anh có Thiên đức, nguyệt đức đóng ở trụ giờ là con cái hiền lành.

Sinh vào giờ nhâm, quý là người mắt to, ham rượu, tính liều.

Trụ ngày có thất sát lúc sinh vắng mặt cha.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần

là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Quý Anh thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Quý Anh Trọng trụ có kim thủy thì đứa con chậm nói.

Quý Anh Trụ ngày có sát, kiêu là vợ nhiều đẻ ít.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Anh có Tỷ kiên nhiều, cả đời ít ốm đau.

Trụ Quý Anh có Thiên đức Nguyệt đức, cả đời ít bệnh.

Quý Anh Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Anh có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Thủy quá nhược hoặc tử tuyết, dễ viêm thận, não xuất huyết, cận thị, bệnh ở hệ thống niếu đạo.

Mộc bị kim khắc, đau gân cốt, đau sườn, đau lưng.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp át bính đinh..., chi là tý sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điếm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyết
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ấn**(Chánh Ấn), **Kiêu**(Phiến Ấn, Thiên Ấn), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thân, còn gọi là thân của Thiên Can, đây là những thân chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thân tàng ẩn, còn gọi là thân của Địa Chi, những thân này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thân lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng (lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho (mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của (ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho (phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương		Dưỡng	Thương		Dưỡng	Thân	Tỷ	Suy	T.Tài		Dưỡng
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THÂN	Dưỡng	KỶ	MÙI	Q.Đới	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Át	Quý	Kỷ	Át	Đinh		Tân	
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tỷ	Sát	Kiều		Thực	
Dưỡng	Q.Đới	Mô	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	Suy	Q.Đới	Suy		Mô	

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

Ý Nghĩa của 10 thân:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thân, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ấn nhược thì chính quan sẽ sinh ấn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình "thất sát hóa thành quyền bính"). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thân.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Ấn (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thân, ấn có nghĩa là con dậu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của di ghê.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diễm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiểu thấu, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc,

thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cầu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chỉ tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T. Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tử và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chằm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net